TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 27 – 01 - 2023
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tiến

2. Bà Hà Thị Dung

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tiến – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 546/2022/TLST - HNGĐ ngày 12/10/2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2022/QĐST - HNGĐ ngày 23/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐST – HNGĐ ngày 10/01/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Yến N, sinh năm 1993 (vắng mặt – có đơn)

ĐKTT: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh B.

Chỗ ở hiện nay: số nhà 160, ấp Bình Hòa, thị trấn Bình Đại, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre

Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị Yến N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hoàng P cưới nhau năm 2012 trên cơ sở tự nguyện và có

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh B ngày 24/6/2013. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh P thường xuyên tụ tập bạn bè nhậu nhẹt, đánh bài ăn tiền, không quan tâm đến vợ con, chị có khuyên nhưng anh P không chịu thay đổi, đỉnh điểm là cách nay khoảng 08 năm vợ chồng cự cãi với nhau thì anh P đã đánh chị nên chị bỏ đi không chung sống với anh P nữa, trong thời gian ly thân chị đã thay đổi số điện thoại, hai bên không có liên lạc để hàn gắn tình cảm, anh P cũng không có đến thăm con lần nào, cha mẹ anh P thì có đến nhà chị để thăm cháu nội. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, chị không còn tình cảm vợ chồng với anh P, không muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh P nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh P có một con chung là cháu Nguyễn Trần Gia H, sinh ngày 18/5/2013, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị tự nguyện không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình tố tụng vụ án, bị đơn anh Nguyễn Hoàng P không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị Yến N, không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm nên không có lời trình bày.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri trình bày quan điểm*:

- Về thủ tục: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS; bị đơn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa xét xử nên chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 BLTTDS. Tại phiên tòa, nhận thấy thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Yến N được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng P.

+ Về con chung: Giao con chung Nguyễn Trần Gia H, sinh ngày 18/5/2013 cho chị Yến N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (phù hợp với nguyện vọng muốn sống với mẹ của cháu Gia H). Ghi nhận sự tự nguyện của chị Yến N không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Hoàng P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử nhưng anh P vắng mặt không lý do. Nguyên đơn chị Trần Thị Yến N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Yến N và anh P.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Chị Yến N và anh P cưới nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã An Phú Trung, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre ngày 24/6/2013 nên là hôn nhân hợp pháp. Do đó, hôn nhân của chị Yến N và anh P là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Yến N cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hai bên đã sống ly thân cách nay khoảng 08 năm (trình bày của chị Yến N phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án đối với mẹ ruột của anh P là bà Đồng Thị Bạn về việc chị Yến N và anh P đã sống ly thân với nhau rất lâu), mâu thuẫn của vợ chồng không thể hòa giải, hàn gắn được nên chị Yến N yêu cầu ly hôn với anh P. Anh P biết việc chị Yến N yêu cầu ly hôn với anh nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Ba Tri đã Nều lần tiến hành tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng anh P vẫn vắng mặt không có lý do, cũng

không gửi văn bản thể hiện ý kiến muốn hàn gắn tình cảm với chị Yến N. Điều đó thể hiện anh P đã không có thiện chí muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Yến N và anh P là trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị Yến N với anh P là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị Yến N và anh P có một con chung là Nguyễn Trần Gia H, sinh ngày 18/5/2013. Hiện con chung đang sống cùng chị Yến N. Xét yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung của chị Yến N là có cơ sở, đảm bảo được sự ổn định cho cuộc sống, việc học hành cũng như tâm sinh lý của con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cháu Gia H cho chị Yến N tiếp tục nuôi dưỡng (phù hợp với nguyện vọng muốn được sống với mẹ của cháu Gia H). Ghi nhận sự tự nguyện của chị Yến N không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị Trần Thị Yến N phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Yến N ly hôn với anh Nguyễn Hoàng P.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Yến N có quyền trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Trần Gia H, sinh ngày 18/5/2013. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Yến N không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Hoàng P có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị Trần Thị Yến N phải nộp và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008850 ngày 29/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Yến N đã nộp xong.

Chị Trần Thị Yến N, anh Nguyễn Hoàng P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Văn Lâm